

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HSST  
Ngày: 21-5-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Minh Chiến
2. Ông Hồ Xuân Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mai Đoàn Thực, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 831/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024, thông báo dời ngày xét xử số 884/2024/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2024 và thông báo dời ngày xét xử số 945/2024/TB-TA ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: **Ôn Minh Q**, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1994 tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; CCCD: 052094014618; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ôn Mỹ P (sinh năm 1965) và bà Lê Thị Thu H (sinh năm 1964); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/10/2019 bị Tòa án nhân dân Quận, TP.HCM áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng (đã chấp hành xong). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/12/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã An Nhơn cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai: **Trần Thanh T**, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1994 tại huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; CCCD:

0520944020609; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh T (sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1970); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Dâm ô với trẻ em” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2013/HS-ST ngày 22/12/2013 (đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/02/2020 bị Công an huyện T xử phạt hành chính số tiền 760.000đ tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2023 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã A cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 12/12/2023 Ôn Minh Q đang ở thành phố Q thì nảy sinh ý định mua ma túy sử dụng nên liên hệ một người thường gọi là U (không rõ nhân thân lai lịch) qua tài khoản Zalo tên “U” hỏi mua 1.500.000đ ma túy đá. Người tên “U” yêu cầu Q chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng (không xác định). Q đến một cửa hàng điện thoại tại thành phố Q (không xác định) chuyển số tiền 1.500.000đ. Sau khi chuyển tiền, “U” hướng dẫn Q đến đoạn đường hầm chui dưới Quốc lộ 19 thuộc xã P, huyện T lấy ma túy được giấu sẵn trong 01 gói thuốc lá Jet, Q theo hướng dẫn lấy được 01 gói ma túy rồi đem về nhà. Đến sáng ngày 13/12/2023, Q đón xe đi ra tỉnh Quảng Ngãi chơi. Trong thời gian ở đây, Q dùng các đoạn ống hút nhựa chia nhỏ gói ma túy đã mua thành 16 gói ma túy để thuận tiện sử dụng và đã sử dụng một mình hết 02 gói. Đến chiều tối ngày 14/12/2023, Q đón xe về Bình Định và gọi điện nhờ Trần Thanh T đến đón. Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 15/12/2023, T điều khiển xe đến đón Q tại cây xăng xã P, huyện T và chở Q về nhà. Q vào nhà cất quần áo sau đó lấy 01 gói ma túy dán kín bằng băng keo đen rồi gói trong 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1.000đ cất vào túi quần, còn 13 gói ma túy còn lại thì bỏ trong 01 bì ny lông dạng một đầu kín, cất trong 01 gói thuốc lá Jet rồi nhờ T cất giữ giúp. T nhận bao thuốc lá có chứa ma túy của Q cất vào túi quần rồi chạy xe về nhà. Do sợ đem ma túy về nhà sẽ bị gia đình phát hiện nên khi đi đến đoạn nương nước bên hông nhà bà Phạm Thị Hồng T ở thôn Đ, xã P, huyện T (đầu đường vào nhà T), T đã giấu số ma túy này tại vị trí bãi cỏ phía trên nương nước rồi về nhà ngủ.

Sau khi đưa ma túy cho T giữ giúp, Ôn Minh Q điều khiển xe mô tô biển số 77G1-955.71 (đứng tên mẹ ruột Lê Thị Thu H) đi tìm địa điểm sử dụng ma túy. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 15/12/2023 Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã A phối hợp cùng Công an phường N, thị xã A tuần tra kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự phát hiện Ôn Minh Q có biểu hiện nghi vấn tại vị trí cầu An Ngãi 2, thuộc khu vực A, phường N, thị xã A nên tiến hành kiểm tra thì Q sợ bị phát hiện nên ném gói ma túy xuống dưới cầu. Cơ quan Công an đã tiến hành kiểm tra phát hiện thu giữ và niêm

phong tang vật.

Sáng ngày 15/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã A tiến hành triệu tập Trần Thanh T đến làm việc, T đã tự nguyện giao nộp số ma túy đã cất giữ trước đó.

Tại Bản kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 17/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận: “Các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 01 (một) bì ny lông hàn kín 02 đầu, kích thước (2,5x1) cm gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1065 gam là (loại): Methamphetamine.

Các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 13 (mười ba) bì ny lông hàn kín 02 đầu, đựng bên trong 01 bì ny lông dạng 01 đầu kín, kích thước (7,2x4) cm gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,9561 gam là (loại): Methamphetamine”.

\* Vật chứng của vụ án bao gồm:

+ Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 0,0957 gam mẫu A1 và 0,9439 gam mẫu A2 còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong: dấu tròn “Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định”, chữ ký bên giao và bên nhận).

+ 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1000đ (một nghìn đồng).

\* Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSAN ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định truy tố các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Ôn Minh Q từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Trần Thanh T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiêu hủy vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 0,0957 gam mẫu A1 và 0,9439 gam mẫu A2 còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong có dấu tròn “Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định”, có chữ ký bên giao và bên nhận) và tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1000đ (một nghìn đồng).

- Các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như diễn biến cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ nhu cầu sử dụng ma túy, vào tối ngày 12/12/2023 bị cáo Ôn Minh Q đã mua 01 gói Methamphetamine với số tiền 1.500.000đ của một người (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) sau đó mang về nhà rồi chia nhỏ thành 16 gói ma túy để sử dụng, sau đó bị cáo Q đã sử dụng hết 02 gói. Đến tối ngày 15/12/2023 bị cáo Q lấy 13 gói ma túy bỏ vào 01 bì ny lông dạng một đầu kín, cất trong 01 gói thuốc lá Jet nhờ bị cáo Trần Thanh T cất giữ thì bị cáo T đồng ý, còn lại 01 gói ma túy bị cáo Q cất giữ trên đường đi tìm nơi sử dụng thì bị lực lượng Công an thị xã A phát hiện thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 17/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận: “Các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 01 (một) bì ny lông hàn kín 02 đầu, kích thước (2,5x1) cm gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1065 gam là (loại): Methamphetamine; Các hạt tinh thể màu trắng đựng bên trong 13 (mười ba) bì ny lông hàn kín 02 đầu, đựng bên trong 01 bì ny lông dạng 01 đầu kín, kích thước (7,2x4) cm gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,9561 gam là (loại): Methamphetamine”. Như vậy, bị cáo Ôn Minh Q đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,0626 gam ma túy loại Methamphetamine, trong đó bị cáo Trần Thanh T có hành vi giúp bị cáo Q tàng trữ trái phép 0,9561 gam ma túy loại Methamphetamine nên hành vi của các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó cáo trạng số 25/CT-VKSAN ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Ôn Minh Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Trần Thanh T bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Dâm ô với trẻ em” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2013/HSST ngày 22/11/2013, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng

chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí, bị cáo chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T là những công dân đã trưởng thành, đủ nhận thức và điều khiển hành vi, có trình độ văn hóa nhất định, các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, biết ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm bị Nhà nước cấm sử dụng nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng cá nhân, các bị cáo đã cố ý T tiếp tàng trữ ma túy trái pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã T tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về sử dụng các chất ma túy, là mối hiểm họa cho cộng đồng, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo có nhân thân xấu về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 02/10/2019 bị cáo Ôn Minh Q bị Tòa án nhân dân Quận, TP.HM áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng; bị cáo Trần Thanh T bị Công an huyện T xử phạt hành chính số tiền 760.000đ tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 25/02/2020 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật, vừa có tác dụng giáo dục, răn đe đối với chính các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn và có tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo tạo để các bị cáo an tâm, cải tạo tốt.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy vỏ, bao bì đựng mẫu vật: 0,0957 gam mẫu A1 và 0,9439 gam mẫu A2 còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong: dấu tròn “Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định”, có chữ ký bên giao và bên nhận) và tịch thu sung công Nhà nước 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1000đ (một nghìn đồng).

[7] Về án phí hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[8] Bị cáo Ôn Minh Q sử dụng xe mô tô biển số 77G1-955.71 (đứng tên mẹ ruột Lê Thị Thu H), bà H không biết bị cáo sử dụng xe vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã hoàn trả xe mô tô biển số 77G1-955.71 cho bà Lê Thị Thu H xong.

[9] Trong vụ án này, bị cáo Q khai mua ma túy của một người thường gọi là U,

tuy nhiên quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đang tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ôn Minh Q.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thanh T.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Ôn Minh Q 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/12/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 0,0957 gam mẫu A1 và 0,9439 gam mẫu A2 còn lại sau giám định (đựng trong một bì thư dán kín niêm phong: dấu tròn “Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Định”, chữ ký bên giao và bên nhận)

- Tịch tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 tờ tiền giấy mệnh giá 1000đ (một nghìn đồng).

Các vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 5 năm 2024 giữa bên giao Công an thị xã A, tỉnh Bình Định và bên nhận Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Ôn Minh Q, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- CQ CSĐT Công an TX. A
- CQ THAHS Công an TX. A
- Chi cục THA TX. A
- Các bị cáo
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Lệ**